TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS -PT
Ngày 17 – 4 – 2023
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 792/2023/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Kim L1, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số 277D6 khu phố BL, phường 6, thành phố BT, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn L2, sinh năm: 1999 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp XG, xã TTT, huyện MCB, tỉnh BT.

Địa chỉ liên hệ: Số 163/1D đường TVK, ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh BT. Hoặc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn M Việt Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BT (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Ngô Ngọc Y, sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Số 331, tổ 3, ấp CT, xã MT, huyện GT, tỉnh BT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Chí N, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số 279 ấp PT, xã TĐ, huyện GT, tỉnh BT.

- *Người kháng cáo:* Bà Đồng Thị Kim L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đồng Thị Kim L1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Văn L2 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết vào ngày 01/4/2022 bà L có cho bà Ngô Ngọc Y và ông Lê Chí N vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày, không lãi suất, bà Y là người nhận tiền và ký vào tờ cam kết, khi vay tiền thì bà Y nói mục đích vay tiền là để sử dụng nhằm phục vụ đời sống kinh tế chung của gia đình và nuôi dạy con nhỏ, đến khi hết thời hạn vay bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do vậy, bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Y và ông N có trách nhiệm liên đới trả cho bà L1 số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Ngô Ngọc Y trình bày:

Vào ngày 22/12/2021 bà Y có vay của bà L1 số tiền 60.000.000 đồng, vay không thời hạn, lãi suất 20% tháng, bà đã trả tiền lãi cho bà L1 được 31.000.000 đồng, nhưng khi trả tiền lãi thì không có làm giấy tờ. Đến khi không khả năng trả tiền lãi nữa thì bà L1 có đưa tờ cam kết và bà Y đã ký vào tờ cam kết đề ngày 01/4/2022. Bà Y cho rằng bà không có bàn bạc với chồng là ông N về việc vay tiền của bà L1, vợ chồng bà đã có mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau khoảng năm 2020, bà đã về sinh sống tại ấp 7 (CT), xã MT, GT, tỉnh BT, mục đích vay tiền là bà để mở xưởng may tại xã SP nhưng do công việc làm bị thất bại nên đã không khả năng trả số tiền vay cho bà L1, số tiền bà vay không sử dụng vào mục đích chung của gia đình, là nợ riêng của bà không liên quan đến ông N, bà nhận trách nhiệm trả một mình, xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do bà L1 chỉ yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu chị trả tiền lãi tiếp, nên bà không yêu cầu xem xét khoản tiền lãi đã trả cho bà L1.

Theo bản khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông Lê Chí N trình bày:

Thời điểm bà L1 cho bà Y vay tiền vào tháng 4/2022 thì vợ chồng ông tuy chưa ly hôn, nhưng vợ chồng ông có mâu thuẫn đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020, khi bà Y vay tiền của bà L1 cũng không có trao đổi với ông nên ông không biết bà Y đã vay của bà L1 số tiền là 60.000.000 đồng, bà Y không sử dụng số tiền vay của bà L1 vào mục đích chung của gia đình. Hiện tại vợ chồng ông đã ly hôn, khi ly hôn ông bà cũng đã xác định là nợ chung của vợ chung không có, đối với yêu cầu khởi kiện của bà L1 yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả số tiền nợ đã vay là 60.000.000 đồng, ông không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Có yêu cầu xét xử vắng mặt, nội dung đơn thể hiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện GT đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Kim L1.

Buộc bà Ngô Ngọc Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị Kim L1 số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đồng Thị Kim L1 về việc yêu cầu ông Lê Chí N có trách nhiệm liên đới cùng với bà Ngô Ngọc Y trả số tiền nợ gốc cho bà Đồng Thị Kim L1 là 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn bà Đồng Thị Kim L1 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Đồng Thị Kim L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Lê Chí N có trách nhiệm liên đới cùng bà Ngô Ngọc Y trả cho bà số tiền là 60.000.000 đồng. Lý do kháng cáo là vì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận trách nhiệm liên đới giữa bà Y và ông N đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Ngô Ngọc Y không đồng ý nội dung kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí N không đồng ý nội dung kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì không có căn cứ chứng minh hai vợ chồng đã sống ly thân, bà Y có lời khai bà vay tiền để lo cho con chung nên có căn cứ bà vay tiền để lo cho con là sử dụng mục đích chung của gia đình. Bà Y không có căn cứ chứng minh vay tiền để mở xưởng may.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đồng Thị Kim L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Đồng Thị Kim L1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Lê Chí N có trách nhiệm liên đới cùng bà Ngô Ngọc Y trả cho bà số tiền là 60.000.000 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý nội dung kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Bà Đồng Thị Kim L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Ngọc Y và ông Lê Chí N có trách nhiệm liên đới trả cho bà L1 số tiền nợ gốc đã vay là 60.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Bị đơn bà Ngô Ngọc Y thừa nhận có vay tiền của bà L1, hiện còn nợ số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và có ký tên vào tờ cam kết đề ngày 01/4/2022 do bà L1 cung cấp khi khởi kiện. Việc thừa nhận nợ của bà Y là chứng cứ để xác định bà Y còn nợ bà L1 số tiền là 60.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà L1 cho rằng bà Y vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để sử dụng nhằm phục vụ đời sống kinh tế chung của gia đình và nuôi dạy con nhỏ, khi vay tiền thì bà L1 và ông N còn trong thời kỳ hôn nhân, nên yêu cầu ông N có trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Xét thấy, vào thời điểm bà Y vay tiền của bà L1 là tháng 4/2022 thì bà Y và ông N còn là vợ chồng, đến tháng 7/2022 mới thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 67/2022/QĐCNHGT ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện GT. Tại biên bản xác minh trưởng ấp xác định bà Y về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2020 cho đến nay. Ngoài ra, tờ cam kết ngày 01/4/2022 không có chữ ký của ông N. Bà L1 cũng không chứng minh được mục đích vay tiền của bà Y để sử dụng vào mục đích chung của gia đình vợ chồng của bà Y và ông N; đồng thời ông N và bà Y cũng không thừa nhận lời trình bày này của bà L1. Ông N cho rằng không biết việc bà Y đã vay tiền của bà L1. Do vậy, bà L1 yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới cùng bà Y trả số tiền 60.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét chấp nhận. Do bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L1 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L1 về việc yêu cầu bà Y trả số tiền nợ gốc đã vay là 60.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Các nội dung về tiền lãi và việc bà Y xin trả dần số tiền nợ gốc cho bà L1: Các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên không xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, thấy rằng bà L1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh do đó không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đồng Thị Kim L1 phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị Kim L1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh BT.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Kim L1.

Buộc bà Ngô Ngọc Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị Kim L1 số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đồng Thị Kim L1 về việc yêu cầu ông Lê Chí N có trách nhiệm liên đới cùng với bà Ngô Ngọc Y trả số tiền nợ gốc cho bà Đồng Thị Kim L1 là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Ngô Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Đồng Thị Kim L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009040 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh BT.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đồng Thị Kim L1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003068 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh BT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận